

Số: ~~1244~~ /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày ~~21~~ tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách cán bộ, công chức, viên chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 25/11/2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 23/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số ~~1243~~ /QĐ-UBND ngày ~~21~~ /8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi tại Tờ trình số 23/TTr-HĐ ngày 17/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách cán bộ, công chức, viên chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi đối với 330 cán bộ, công chức, viên chức (có danh sách kèm theo).

Điều 2.

1. Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi thông báo danh sách cán bộ, công chức, viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức dự thi theo quy định.

2. Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm tham mưu thực hiện bổ nhiệm ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III và xếp lương cho cán bộ, công chức, viên chức trúng tuyển kể từ ngày 01/9/2023 theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương; thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và cán bộ, công chức, viên chức có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ CCVC (Bộ Nội vụ);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- VPUB: PCVP, CBTH;
- Lưu: VT, NC(Vi558).



Đặng Văn Minh

DANH SÁCH VIÊN CHỨC TRƯNG TUYỂN KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC
TỪ LƯU TRỮ VIÊN TRƯNG CẤP LÊN LƯU TRỮ VIÊN NĂM 2023 CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI



(Kèm theo Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Điều kiện xét thăng hạng															Kết quả xét thăng hạng	Ghi chú
Họ và tên T T lót	Tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị đang công tác	Mã số ngạch hiện giữ	Đánh giá xếp loại chất lượng năm 2022 (Hoàn thành tốt trở lên)	Kỷ luật	Trình độ chuyên môn				Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Lưu trữ viên trung cấp và tương đương (03 năm trở lên không kể thời gian tập sự, thử việc)	Thời gian hiện giữ chức danh nghề nghiệp Lưu trữ viên trung cấp (đủ 12 tháng tính đến hết ngày nộp hồ sơ)			
								Trình độ chuyên môn (Đại học chuyên ngành lưu trữ)	Trình độ TH	Trình độ NN	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ lưu trữ do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành lưu trữ (Nếu tốt nghiệp đại học trở lên ngành khác)					
1 Nguyễn Thị Hồng	Diễm	20/11/1982	Lưu trữ viên	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh, Sở Nội vụ	V.01.02.03	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Không	Đại học Quản lý nhà nước	Trung cấp	Anh C	Chứng chỉ sơ cấp bậc 1 nghiệp vụ văn thư - lưu trữ	10 năm	6 năm	Đạt		
2 Nguyễn Thị Diệu	Chi	14/5/1984	Lưu trữ viên	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh, Sở Nội vụ	V.01.02.03	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Không	Đại học Quản lý nhà nước	Văn phòng	Anh B	Trung cấp văn thư - lưu trữ	10 năm	6 năm	Đạt		
3 Trần Thị Tuyệt	Minh	28/10/1983	Lưu trữ viên	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh, Sở Nội vụ	V.01.02.03	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Không	Đại học Quản lý nhà nước	Trung cấp	Anh C	Chứng chỉ sơ cấp bậc 1 nghiệp vụ VTLT	10 năm	6 năm	Đạt		
4 Nguyễn Thị	Tinh	07/6/1991	Lưu trữ viên	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh, Sở Nội vụ	V.01.02.03	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Không	Đại học Lưu trữ học	Trung cấp	Anh C	Đại học Lưu trữ học	10 năm	6 năm	Đạt		
5 Đặng Thị Thu	Hiền	12/01/1988	Lưu trữ viên	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh, Sở Nội vụ	V.01.02.03	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Không	Đại học Lưu trữ học	A	Anh C	Đại học Lưu trữ học	10 năm	6 năm	Đạt		

Danh sách này có 05 người./.

**DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRÚNG TUYỂN KỲ
THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN
CHỨC LÊN CHUYÊN VIÊN CHÍNH, CHUYÊN VIÊN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG; THI THĂNG
HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM
2023 CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI**

(Kèm theo Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
I	Thi nâng ngạch công chức từ Chuyên viên lên Chuyên viên chính								
1	Phạm Ngọc	Hồng	06/3/1974	CCN575	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	34	17	62	
2	Huỳnh Thị Thu	Thùy	28/7/1981	CCN576	Sở Thông tin và Truyền thông	35	Miễn thi	66	
3	Võ Anh	Tùng	08/5/1980	CCN579	Sở Nông nghiệp và PTNT	36	Miễn thi	61	
4	Nguyễn Quang	Thiện	20/4/1975	CCN581	Chi cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và PTNT	45	21	61	
5	Nguyễn Đình	Trung	12/11/1977	CCN582	Chi cục Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và PTNT	38	20	64	
6	Đào Công	Trứ	24/4/1978	CCN583	Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và PTNT	49	15	61	
7	Huỳnh Minh	Đạo	14/10/1978	CCN584	Sở Giao thông vận tải	36	24	66	
8	Nguyễn Tiến	Hùng	10/10/1983	CCN585	Sở Giao thông vận tải	44	18	58	
9	Nguyễn Văn	Loan	20/4/1976	CCN586	Sở Giao thông vận tải	42	21	62	
10	Nguyễn Thị Thủy	Na	10/5/1981	CCN587	Sở Giao thông vận tải	39	23	60	
11	Lê Nguyễn Tấn	Phú	25/5/1975	CCN588	Sở Giao thông vận tải	51	21	63	
12	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	20/11/1974	CCN589	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	34	Miễn thi	62	
13	Trần Đức	Duy	07/12/1985	CCN590	Sở Kế hoạch và Đầu tư	31	19	63	
14	Phạm Ngọc	Huy	19/10/1978	CCN591	Sở Kế hoạch và Đầu tư	32	20	62	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
15	Nguyễn Đức	Thạnh	02/8/1975	CCN592	Sở Kế hoạch và Đầu tư	42	23	73	
16	Trương Quang	Thảo	01/10/1988	CCN593	Sở Kế hoạch và Đầu tư	41	25	64	
17	Nguyễn Văn	Thắng	10/12/1984	CCN594	Sở Kế hoạch và Đầu tư	34	20	63	
18	Lê Quang	Bình	26/12/1982	CCN595	Ban Dân tộc tỉnh	34	22	62	
19	Trương Đức	Thành	08/7/1978	CCN596	Sở Giáo dục và Đào tạo	37	22	57	
20	Hà Tấn	Thọ	01/01/1978	CCN597	Sở Giáo dục và Đào tạo	41	21	61	
21	Bùi Nguyên	Hải	02/11/1976	CCN598	Sở Công Thương	41	19	59	
22	Nguyễn Thị Phương	Tâm	28/10/1982	CCN599	Sở Công Thương	33	24	66	
23	Mai Văn	Thanh	26/3/1968	CCN601	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở Y tế	35	24	56	
24	Phan Quang	Đức	03/11/1986	CCN602	Đảng ủy xã Ba Thành huyện Ba Tơ	39	Miễn thi	62	
25	Phạm Quý	Đức	15/10/1983	CCN603	Phòng Nội vụ huyện Ba Tơ	40	Miễn thi	65	
26	Huỳnh Giang	Nam	25/12/1975	CCN604	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Ba Tơ	42	Miễn thi	64	
27	Lê Thanh	Phương	31/3/1975	CCN605	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Ba Tơ	47	Miễn thi	68	
28	Nguyễn Hồng	Quân	25/8/1978	CCN606	Đảng ủy thị trấn Ba Tơ	32	Miễn thi	71	
29	Lê Hữu	Trinh	24/4/1983	CCN607	UBND xã Ba Vi huyện Ba Tơ	41	Miễn thi	66	
30	Nguyễn Thị	Vân	07/5/1976	CCN608	Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Ba Tơ	34	Miễn thi	70	
31	Trần Huỳnh	Kiên	02/6/1983	CCN609	Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã Đức Phổ	31	23	66	
32	Nguyễn Thị	Kiều	30/4/1983	CCN610	HĐND thị xã Đức Phổ	38	20	70	
33	Nguyễn Văn	Thanh	03/12/1980	CCN611	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thị xã Đức Phổ	43	25	53	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
34	Võ Minh	Vương	09/7/1985	CCN612	UBND thị xã Đức Phổ	45	20	70	
35	Dương Thị Hoàng	Dung	16/6/1982	CCN613	Phòng LĐTB&XH-Y tế huyện Lý Sơn	40	23	69	
36	Huỳnh Minh	Hùng	01/6/1978	CCN614	Phòng Kinh tế và Hạ tầng Nông thôn huyện Lý Sơn	39	20	63	
37	Trương Văn	Sửu	03/9/1974	CCN615	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Lý Sơn	43	21	59	
38	Phạm Văn	Thọ	16/4/1971	CCN616	Phòng Tư pháp huyện Lý Sơn	41	22	70	
39	Trần Thị Mỹ	Lan	24/12/1976	CCN617	Phòng VH-TT huyện Minh Long	39	Miễn thi	69	
40	Đình Văn	Lâm	20/8/1970	CCN618	Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Minh Long	40	Miễn thi	60	
41	Lê Đình	Thông	08/7/1968	CCN619	Thường trực HĐND huyện Minh Long	33	21	70	
42	Nguyễn	Kha	16/5/1974	CCN621	Phòng Tư pháp huyện Mộ Đức	38	19	60	
43	Lê Hồng	Sa	15/5/1973	CCN622	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mộ Đức	31	21	66	
44	Nguyễn Xuân	Thái	02/9/1980	CCN623	UBND xã Đức Thạnh huyện Mộ Đức	41	23	66	
45	Lê Quang	Nhu	10/12/1977	CCN624	Phòng NN&PTNT huyện Nghĩa Hành	35	24	60	
46	Cao Bá	Thành	19/10/1978	CCN625	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nghĩa Hành	42	Miễn thi	66	
47	Nguyễn Trần	Thương	24/8/1987	CCN626	Phòng LĐTB&XH huyện Nghĩa Hành	41	21	60	
48	Đình Thị Minh	Sáng	28/8/1984	CCN627	Phòng Dân tộc huyện Sơn Hà	39	Miễn thi	73	
49	Lê Cao	Sinh	22/9/1983	CCN628	Phòng TC-KH huyện Sơn Tây	41	Miễn thi	66	
50	Phạm Thị Ngọc	Vấn	05/12/1971	CCN629	Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Sơn Tây	47	Miễn thi	73	
51	Nguyễn Thanh	Tuấn	01/01/1976	CCN630	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Trà Bồng	44	Miễn thi	68	
52	Võ Tiến	Thế	19/6/1982	CCN631	UBND xã Trà Phú huyện Trà Bồng	40	20	67	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
53	Huỳnh Thị Thanh	Thúy	02/12/1980	CCN632	Phòng NN&PTNT huyện Trà Bồng	32	20	55	
54	Lê Minh	Vương	25/6/1986	CCN633	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trà Bồng	45	Miễn thi	70	
55	Nguyễn Thanh	Phú	07/01/1988	CCN634	Phòng Nội vụ huyện Tư Nghĩa	48	20	72	
56	Huỳnh Ngọc	Thuận	01/01/1982	CCN635	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Tư Nghĩa	43	22	65	
57	Võ Thanh	Tuấn	19/02/1982	CCN637	UBND xã Bình An huyện Bình Sơn	44	23	70	
II	Thi thăng hạng viên chức từ Chuyên viên lên Chuyên viên chính								
58	Bùi Văn	Ba	02/02/1981	VCN640	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị huyện Sơn Hà	44	Miễn thi	78	
59	Võ Tín	Dũng	10/02/1986	VCN641	Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ KHCN, Sở Khoa học và Công nghệ	39	23	82	
60	Phan Cao	Lâm	21/8/1978	VCN642	Đội Quản lý trật tự đô thị thành phố Quảng Ngãi	41	22	75	
61	Lê	Mân	02/6/1968	VCN643	Liên Minh hợp tác xã	43	26	75	
62	Đoàn Thị Xuân	Mỹ	12/10/1981	VCN644	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	47	Miễn thi	77	
63	Trần Ngọc	Sang	15/11/1986	VCN645	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Đức Phổ	43	Miễn thi	81	
64	Phạm Duy	Tân	06/02/1980	VCN646	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	37	25	72	
65	Phạm Nhật	Vũ	25/5/1982	VCN647	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường	41	23	72	
66	Đặng Văn	Nghiệp	21/12/1966	VCN651	Đài PT&TH tỉnh Quảng Ngãi	48	18	90	
67	Trương Quang	Thu	07/12/1972	VCN652	Đài PT&TH tỉnh Quảng Ngãi	36	22	80	
68	Nguyễn Anh	Tuấn	14/4/1970	VCN653	Đài PT&TH tỉnh Quảng Ngãi	43	21	83	
III	Thi nâng ngạch công chức từ Cán sự lên Chuyên viên								
69	Tô Thủy	Tiên	22/12/1992	CCN01	Sở Tài chính	32	25	69	
70	Lê Huỳnh	Anh	22/8/1981	CCN02	Ban Tiếp công dân, Văn phòng UBND tỉnh	30	27	70	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
71	Phạm Thị Thanh	Hương	05/5/1978	CCN03	Thanh tra tỉnh	35	24	68	
72	Nguyễn Tiến	Công	02/4/1977	CCN06	Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Nghĩa Hành	36	20	62	
73	Nguyễn Vũ Thị Anh	Đào	08/5/1987	CCN07	Phòng LĐ-TB và XH, UBND huyện Nghĩa Hành	33	20	65	
74	Trần Thị Thanh	Tuyền	12/6/1990	CCN08	Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện Nghĩa Hành	39	16	67	
75	Huỳnh Tuấn	Vũ	01/01/1990	CCN09	Phòng Văn hóa và Thông tin, UBND huyện Nghĩa Hành	34	21	62	
76	Trần Văn	Bằng	23/4/1983	CCN10	Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Trà Bồng	32	Miễn thi	73	
77	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	27/10/1986	CCN11	Phòng Dân tộc, UBND huyện Trà Bồng	42	Miễn thi	65	
78	Phạm Thị Thanh	Mến	13/7/1983	CCN50	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Sở Y tế	32	22	54	
79	Võ Tiến	Công	25/3/1980	CCN51	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	34	20	63	
80	Trần Minh	Đức	20/6/1980	CCN52	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	45	20	70	
81	Võ Thị	Thi	06/6/1989	CCN57	Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi	41	Miễn thi	85	
IV	Thi thăng hạng viên chức từ hạng IV lên hạng III								
82	Đinh Văn	Công	06/10/1976	VCN60	Trung tâm TT-VH-TT, UBND huyện Sơn Hà	30	Miễn thi	60	
83	Nguyễn Thị Kim	Cúc	12/7/1978	VCN61	Hội Nhà báo	57	22	67	
84	Trần Thị Hồng	Chuyên	33279	VCN62	Trung tâm Khuyến nông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	40	20	78	
85	Lê Trần Minh	Chuyên	14/12/1991	VCN63	BQL DA Đầu tư xây dựng và PTQĐ, UBND huyện Minh Long	40	Miễn thi	75	
86	Huỳnh Tiến	Dũng	26267	VCN64	Văn phòng Điều phối CTMTQGXD nông thôn mới, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	31	26	67	
87	Trần Thị Minh	Hải	20/6/1984	VCN65	Trung tâm Y tế huyện Sơn Hà, Sở Y tế	39	22	61	
88	Huỳnh Thị	Lệ	26/7/1982	VCN70	Ban quản lý DAĐTXD&PTQĐ, UBND huyện Sơn Hà	32	16	70	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
89	Trần Thị Yến	Nhung	24/9/1985	VCN72	Trung tâm Y tế huyện Minh Long, Sở Y tế	60	27	73	
90	Nguyễn Đăng	Phú	29/8/1987	VCN73	Ban quản lý Chợ Chùa, UBND huyện Nghĩa Hành	40	19	79	
91	Nguyễn Tấn	Tín	05/01/1975	VCN76	BQL DA ĐTXD & PTQĐ, UBND huyện Sơn Tây	42	Miễn thi	58	
92	Phạm Thị	Tinh	17/12/1983	VCN77	Trung tâm Y tế huyện Minh Long, Sở Y tế	40	29	72	
93	Trịnh Xuân	Tường	25/4/1980	VCN78	Trung tâm Điều dưỡng Người có công, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	55	16	73	
94	Trương Thị	Thảo	23/10/1975	VCN81	Trung tâm Lưu trữ Lịch sử, Sở Nội vụ	34	20	58	
95	Lê Thị Phương	Thảo	20/01/1989	VCN82	TT Dịch vụ Nông nghiệp, UBND huyện Sơn Hà	44	25	80	
96	Bùi Thị Ngọc	Trang	12/02/1980	VCN83	Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi	54	18	55	
97	Trần Đình	Trung	15/7/1977	VCN85	Trung tâm Phát triển quỹ đất, UBND huyện Bình Sơn	55	18	57	
98	Lê Thị Kim	Vang	24/8/1985	VCN86	Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi	57	22	67	
99	Dương Hiền Hoàng	Viên	10/01/1984	VCN87	Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh	30	20	55	
100	Trần Thị Ngọc	Bích	02/6/1978	VCN92	Trường THPT số 2 Đức Phổ, Sở Giáo dục và Đào tạo	39	Miễn thi	69	
101	Vũ Thị Kim	Chi	02/10/1984	VCN94	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	32	Miễn thi	53	
102	Huỳnh Thị	Điểm	01/01/1989	VCN96	Trường Mầm non Đức Chánh, UBND huyện Mộ Đức	34	Miễn thi	62	
103	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	16/4/1987	VCN99	Trường Tiểu học Đức Hòa, UBND huyện Mộ Đức	30	Miễn thi	58	
104	Phan Thị Lệ	Hoà	07/7/1985	VCN100	Trung tâm Y tế huyện Sơn Tịnh, Sở Y tế	37	Miễn thi	78	
105	Nguyễn Thị Thu	Hồng	08/9/1977	VCN101	Trường Mầm non Đức Tân, UBND huyện Mộ Đức	56	Miễn thi	57	
106	Nguyễn Thị	Hồng	15/8/1983	VCN102	Trường THCS Đức Hiệp, UBND huyện Mộ Đức	30	Miễn thi	60	
107	Đoàn Thị	Kiều	25/9/1980	VCN104	Trường TH Thị trấn Mộ Đức, UBND huyện Mộ Đức	32	Miễn thi	70	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
108	Huỳnh Thị Kim	Quyên	20/4/1986	VCN108	Trường THCS Đức Phú, UBND huyện Mộ Đức	33	Miễn thi	65	
109	Võ Thị Thu	Thật	23/4/1989	VCN111	Trường THPT Sơn Mỹ, Sở Giáo dục và Đào tạo	31	Miễn thi	53	
110	Phạm Thị Thanh	Thúy	02/8/1979	VCN112	Trường THPT Lê Quý Đôn, Sở Giáo dục và Đào tạo	38	Miễn thi	80	
111	La Thị Mỹ	Trang	15/11/1981	VCN114	Trường Tiểu học Đức Chánh, UBND huyện Mộ Đức	39	Miễn thi	73	
112	Nguyễn Hữu	Bảo	01/11/1987	VCN116	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, UBND thị xã Đức Phổ	30	24	70	
113	Nguyễn Tiến	Hoàng	12/12/1972	VCN119	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, UBND huyện Sơn Tây	37	Miễn thi	90	
114	Trương Đình	Nho	04/9/1978	VCN120	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, UBND huyện Lý Sơn	44	21	83	
115	Nguyễn	Phát	19/10/1986	VCN121	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, UBND huyện Bình Sơn	31	20	76	
116	Lê Văn	Phúc	30/8/1987	VCN122	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, UBND huyện Sơn Tây	37	Miễn thi	82	
117	Ngô Hữu	Tường	12/10/1979	VCN124	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, UBND huyện Ba Tơ	38	Miễn thi	91	
118	Lương Thị Kim	Thùy	17/5/1984	VCN126	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, UBND huyện Nghĩa Hành	39	20	70	
119	Trần Như	Châu	20/6/1986	VCN129	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện Ba Tơ, Sở Tài nguyên và Môi trường	35	Miễn thi	69	
120	Nguyễn	Giang	13/9/1984	VCN130	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện Minh Long, Sở Tài nguyên và Môi trường	34	28	73	
121	Ngô Thanh	Hải	08/01/1983	VCN131	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh thành phố QN, Sở Tài nguyên và Môi trường	37	19	63	
122	Phạm Trung	Lượm	11/8/1984	VCN132	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện Ba Tơ, Sở Tài nguyên và Môi trường	32	Miễn thi	65	
123	Lâm Văn	Phú	18/12/1972	VCN136	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện Sơn Tịnh, Sở Tài nguyên và Môi trường	41	19	52	
124	Cao Ngọc	Thanh	01/5/1984	VCN137	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện Sơn Tịnh, Sở Tài nguyên và Môi trường	32	Miễn thi	65	
125	Lê Quang	Thành	31/8/1988	VCN141	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp, UBND huyện Ba Tơ	31	Miễn thi	80	
126	Trần Thị Ngọc	Thương	15/9/1980	VCN142	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp, UBND huyện Ba Tơ	30	Miễn thi	81	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
127	Nguyễn Thượng	Đăng	01/11/1984	VCN143	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện Trà Bồng, Sở Tài nguyên và Môi trường	33	19	82	
128	Đoàn Minh	Hoàng	08/7/1975	VCN144	Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện Trà Bồng, Sở Tài nguyên và Môi trường	52	Miễn thi	79	
129	Nguyễn Thị Phương	Dung	07/9/1983	VCN145	Bảo tàng tổng hợp, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	36	17	80	
130	Đinh Thị Minh	Hải	26/11/1985	VCN147	BQL Khu chiến tích Sơn Mỹ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	43	Miễn thi	81	
131	Nguyễn Đức	Phong	20/6/1972	VCN150	Bảo tàng tổng hợp, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	33	22	65	
132	Lê	Trình	27/7/1980	VCN151	Trung tâm TT-VH-TT, UBND huyện Mộ Đức	34	15	63	
133	Bùi Thị Na	Sa	05/02/1986	VCN155	Trường THPT số 1 Nghĩa Hành, Sở Giáo dục và Đào tạo	32	19	87	
134	Trần Thị Nữ	Vương	06/9/1985	VCN156	Trung tâm TT-VH-TT, UBND thị xã Đức Phổ	37	19	93	
135	Nguyễn Trung	Trực	15/6/1989	VCN158	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp, UBND huyện Ba Tơ	34	Miễn thi	70	
136	Đoàn Thanh	Tuấn	07/01/1983	VCN159	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, UBND huyện Nghĩa Hành	33	22	85	
137	Đoàn Lệ	Ái	12/8/1988	VCN160	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	35	23	65	
138	Nguyễn Thị Trúc	Anh	24/12/1991	VCN162	Trường TH&THCS Ba Lẽ, UBND huyện Ba Tơ	43	Miễn thi	68	
139	Cao Mai	Anh	1989	VCN163	Trường Mầm non Trà Phong, UBND huyện Trà Bồng	41	17	72	
140	Phạm Thị Xuân	Ba	20/11/1986	VCN164	Trường TH&THCS xã Bình Chương, UBND huyện Bình Sơn	34	20	60	
141	Lê Thị Thanh	Ba	23/01/1980	VCN165	Trường THCS Hành Tín Đông, UBND huyện Nghĩa Hành	33	25	69	
142	Trần Thị	Ba	20/12/1974	VCN166	Trường Trung học cơ sở thị trấn La Hà, UBND huyện Tư Nghĩa	31	19	65	
143	Trịnh Thị Ngọc	Bích	07/8/1979	VCN167	Trung tâm Y tế huyện Mộ Đức, Sở Y tế	30	24	64	
144	Trần Thị Ngọc	Bình	20/10/1985	VCN168	Trung tâm Y tế huyện Sơn Hà, Sở Y tế	49	27	59	
145	Nguyễn Thị Thanh	Bửu	15/9/1987	VCN170	Trường Tiểu học Bình Trị, UBND huyện Bình Sơn	30	23	59	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
146	Trần Thị Lệ	Công	24/4/1983	VCN171	Đội Quản lý Trật tự đô thị , UBND thành phố Quảng Ngãi	32	27	61	
147	Lê Thị	Cơ	21/01/1984	VCN172	Trường THCS An Hải, UBND huyện Lý Sơn	34	24	55	
148	Phạm Đình Hải	Châu	20/6/1985	VCN174	Trung tâm Y tế huyện Mộ Đức, Sở Y tế	32	26	75	
149	Nguyễn Thị Hồng	Châu	15/12/1988	VCN176	Trường THCS Nghĩa Dũng, UBND thành phố Quảng Ngãi	42	26	65	
150	Trần Thị Yên	Chi	25/8/1990	VCN178	Trường Tiểu học Bình Thanh, UBND huyện Bình Sơn	44	25	59	
151	Tô Đức	Chính	06/10/1977	VCN181	Trung tâm Y tế thị xã Đức Phổ, Sở Y tế	37	21	58	
152	Phạm Thị	Chung	20/8/1987	VCN183	Trường Tiểu học xã Bình Mỹ, UBND huyện Bình Sơn	33	24	72	
153	Nguyễn Văn	Chung	10/6/1986	VCN184	Trường PTDTBT TH và THCS Sơn Tân , UBND huyện Sơn Tây	39	Miễn thi	65	
154	Tôn Thị Thu	Diễm	12/6/1987	VCN187	Trường Mầm non Nghĩa Trung, UBND huyện Tư Nghĩa	30	26	67	
155	Bạch Phương	Dung	04/10/1991	VCN190	Trường Tiểu học số 2 Bình Minh, UBND huyện Bình Sơn	32	21	70	
156	Đoàn Thị Mỹ	Dung	11/12/1982	VCN194	Trường TH Phổ An, UBND thành phố Quảng Ngãi	37	27	53	
157	Nguyễn Trí	Dũng	20/11/1988	VCN195	Trường TH Số 1 An Vĩnh , UBND huyện Lý Sơn	38	21	72	
158	Lê Đình	Dũng	03/02/1983	VCN196	Trường THCS Nguyễn Nghiêm, UBND thành phố Quảng Ngãi	35	19	59	
159	Trương Thị Bích	Đào	16/12/1984	VCN197	Trung tâm Mắt tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	31	22	58	
160	Lâm Thị	Đào	14/4/1982	VCN198	Trường Tiểu học Tú Sơn, UBND huyện Mộ Đức	30	25	55	
161	Nguyễn Thị Trà	Giang	17/11/1992	VCN204	Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh , Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	33	25	57	
162	Nguyễn Thị Bích	Hà	20/4/1984	VCN209	Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn, Sở Y tế	33	23	56	
163	Trần Thị Thu	Hà	10/02/1984	VCN210	Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng và PTQĐ, UBND huyện Minh Long	32	25	71	
164	Nguyễn Đăng	Hào	01/01/1985	VCN216	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	32	22	64	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
165	Lê Thị Kim	Hằng	03/5/1978	VCN218	Trung tâm Y tế huyện Mộ Đức, Sở Y tế	42	19	52	
166	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	05/9/1985	VCN220	Trường THCS Phố Hòa, UBND thị xã Đức Phổ	36	17	74	
167	Trần Thị Thu	Hằng	23/9/1986	VCN221	Trường Tiểu học Đức Phong, UBND huyện Mộ Đức	30	17	59	
168	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	02/02/1982	VCN222	Trường MN Hành Tín Đông, UBND huyện Nghĩa Hành	31	18	75	
169	Đoàn Thị Thu	Hằng	1985	VCN224	Trường Tiểu học Trà Bình, UBND huyện Trà Bồng	35	Miễn thi	67	
170	Trần Thị	Hiệp	08/5/1981	VCN230	Trường Mầm non An Vĩnh, UBND huyện Lý Sơn	30	21	75	
171	Trần Lê Phương Nghĩa	Hòa	20/10/1989	VCN233	Bảo tàng Tổng hợp, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	40	21	59	
172	Nguyễn Thị	Hòa	01/01/1983	VCN234	Trường THPT Võ Nguyên Giáp, Sở Giáo dục và Đào tạo	35	19	61	
173	Phạm Xuân	Hoàng	10/01/1976	VCN235	Hội Nạn nhân chất độc Da cam Dioxin	59	20	85	
174	Nguyễn Thị Kiều	Hoanh	21/01/1989	VCN236	Trường Tiểu học thị trấn Di Lăng số II, UBND huyện Sơn Hà	31	17	77	
175	Lê Thị	Hồi	21/12/1976	VCN237	Trung tâm công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường	59	Miễn thi	60	
176	Bùi Thị Ánh	Hồng	06/3/1982	VCN238	Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	50	25	55	
177	Võ Thị Song	Hồng	25/01/1988	VCN241	Trường Mầm non Nghĩa Thuận, UBND huyện Tư Nghĩa	43	25	62	
178	Bùi Thị Hoàng	Huyền	17/02/1990	VCN246	Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Hành, Sở Y tế	38	26	65	
179	Hạ Thị	Huyền	02/8/1985	VCN247	Trường Tiểu học Nghĩa Thuận, UBND huyện Tư Nghĩa	30	23	56	
180	Đặng Thị Thu	Hương	09/10/1986	VCN250	Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	49	26	62	
181	Nguyễn Thị	Kiều	10/11/1982	VCN253	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia, Sở Giáo dục và Đào tạo	39	20	59	
182	Nguyễn Thị	Kiều	20/3/1991	VCN254	Trường TH&THCS xã Bình Khương, UBND huyện Bình Sơn	33	23	52	
183	Nguyễn Thị Thuý	Kiều	17/7/1979	VCN255	Trường THCS Bình Thanh, UBND huyện Bình Sơn	36	27	54	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
184	Tạ Thị Nguyên	Khôi	04/5/1979	VCN259	Trường THCS Nghĩa Chánh, UBND thành phố Quảng Ngãi	36	24	51	
185	Nguyễn Thị	Khuyên	10/11/1990	VCN261	Trường Mầm non Sao Mai, UBND huyện Tư Nghĩa	38	21	60	
186	Ngô Thị	Khương	05/12/1983	VCN262	Trung tâm Y tế huyện Sơn Tịnh, Sở Y tế	50	22	59	
187	Huỳnh Thị	Lai	05/8/1974	VCN263	Trường THPT Số 2 Tư Nghĩa, Sở Giáo dục và Đào tạo	32	20	58	
188	Phạm Thị Thu	Lài	29/01/1984	VCN264	Trường Tiểu học Hành Thịnh, UBND huyện Nghĩa Hành	31	21	53	
189	Nguyễn Thị Kim	Lan	28/5/1975	VCN266	Trường THCS Bình Mỹ, UBND huyện Bình Sơn	42	28	60	
190	Đỗ Thị Ngọc	Lan	12/12/1984	VCN267	Trường Tiểu học Đức Tân, UBND huyện Mộ Đức	57	23	59	
191	Đinh Thị Ngọc	Lan	1978	VCN268	Trường TH Tịnh Trà, UBND huyện Sơn Tịnh	32	21	54	
192	Phạm Thị	Lan	1985	VCN270	Kế toán Trường Mẫu giáo Trà Lâm, UBND huyện Trà Bồng	46	26	59	
193	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	1986	VCN271	Kế toán Trường PTDTBT THCS Trà Thanh, UBND huyện Trà Bồng	49	30	80	
194	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	1986	VCN273	Trường TH Tịnh Hiệp, UBND huyện Sơn Tịnh	35	17	62	
195	Phùng Thị	Liên	27/7/1984	VCN274	Trung tâm Y tế huyện Sơn Hà, Sở Y tế	35	17	80	
196	Lê Thị Kim	Liên	22/02/1982	VCN275	Trường THCS Nguyễn Trãi, UBND huyện Mộ Đức	31	22	59	
197	Phạm Thị Bích	Liên	22/11/1984	VCN276	Trường MN 2/9, UBND thành phố Quảng Ngãi	47	16	56	
198	Võ Thị	Liên	1985	VCN277	Trường TH&THCS Trà Phú, UBND huyện Trà Bồng	42	18	59	
199	Võ Thị Thúy	Liễu	25/12/1982	VCN278	Trường THPT Số 2 Nghĩa Hành, Sở Giáo dục và Đào tạo	41	19	80	
200	Phạm Thị	Liễu	20/10/1985	VCN279	Trường Tiểu học Sơn Hạ số 1, UBND huyện Sơn Hà	43	18	78	
201	Lê Thị Ngọc	Linh	18/10/1984	VCN280	Trường TH&THCS Ba Liên, UBND huyện Ba Tơ	31	Miễn thi	65	
202	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	28/9/1984	VCN281	Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố, UBND thành phố Quảng Ngãi	30	16	74	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
203	Võ Thị Cẩm	Loan	31/12/1978	VCN284	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	32	18	60	
204	Võ Thị Mai	Loan	17/11/1981	VCN285	Trường THCS Bình Hiệp, UBND huyện Bình Sơn	38	17	70	
205	Nguyễn Thị	Loan	03/04/1987	VCN286	Trường Tiểu học Hành Minh, UBND huyện Nghĩa Hành	38	17	60	
206	Nguyễn Thị Thanh	Loan	16/3/1989	VCN287	Trường Mầm non Nghĩa Thương, UBND huyện Tư Nghĩa	30	22	67	
207	Huỳnh Thị Kim	Lời	17/7/1981	VCN288	Trường THCS Hành Thiện, UBND huyện Nghĩa Hành	32	19	51	
208	Lê Thị Minh	Luyện	1984	VCN291	Trường THCS Tịnh Bắc, UBND huyện Sơn Tịnh	35	18	75	
209	Nguyễn Hương	Ly	16/8/1990	VCN293	Trường THPT Chu văn An, Sở Giáo dục và Đào tạo	36	19	60	
210	Nguyễn Thị Ánh	Ly	06/8/1987	VCN294	Trung tâm Y tế huyện Sơn Hà, Sở Y tế	32	18	65	
211	Nguyễn Thị Hồng	Lý	14/08/1985	VCN297	Trường PTDTNT THCS Huyện Minh Long, UBND huyện Minh Long	32	22	80	
212	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	06/5/1986	VCN299	Trường Mầm non An Hải, UBND huyện Lý Sơn	42	18	77	
213	Trương Thị Lệ	Mai	06/9/1983	VCN300	Trường Mầm non Lý Sơn, UBND huyện Lý Sơn	41	16	55	
214	Nguyễn Thị	Mẫn	10/02/1986	VCN302	Trường Trung học cơ sở Phố An, UBND thị xã Đức Phổ	43	19	59	
215	Đặng Thị Hồng	Minh	08/9/1989	VCN305	Trường Mầm non Nghĩa Hiệp, UBND huyện Tư Nghĩa	33	21	63	
216	Lê Thị Huyền	My	11/11/1986	VCN307	BQL KCT Sơn Mỹ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	37	17	77	
217	Trần Thị Trà	My	20/01/1992	VCN308	Trường TH số 2 Bình Châu, UBND huyện Bình Sơn	30	20	63	
218	Nguyễn Thị	Nương	30/12/1985	VCN310	Hội Người mù tỉnh	46	21	59	
219	Nguyễn Thị Mỹ	Nương	19/09/1993	VCN311	Trường Mầm non Ba Thành, UBND huyện Ba Tơ	39	19	73	
220	Đặng Thị Mỹ	Nga	32767	VCN313	Trường Mầm non Bình Minh, UBND huyện Sơn Hà	37	23	69	
221	Nguyễn Thị Thanh	Nga	14/12/1988	VCN316	Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo, UBND thành phố Quảng Ngãi	46	Miễn thi	75	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
222	Nguyễn Thị	Ngà	02/02/1986	VCN317	Trường THCS Tịnh Ấn Tây, UBND thành phố Quảng Ngãi	46	23	75	
223	Trần Thị Thanh	Ngân	21/3/1982	VCN318	Trung tâm Y tế thành phố Quảng Ngãi, Sở Y tế	41	19	70	
224	Nguyễn Thị Tiên	Ngân	08/7/1986	VCN319	Trung tâm y tế huyện Trà Bồng, Sở Y tế	38	20	62	
225	Lê Nguyễn Ngọc	Ngân	24/6/1981	VCN321	Trường Trung học cơ sở Nghĩa Hiệp, UBND huyện Tư Nghĩa	40	19	53	
226	Nguyễn Thị	Ngọc	14/09/1983	VCN325	BQL cụm Công nghiệp, UBND huyện Bình Sơn	48	20	74	
227	Bùi Thị	Nguyên	20/10/1988	VCN326	Đội Quản lý TTXD,ĐT&MT, UBND huyện Lý Sơn	35	20	70	
228	Nguyễn Lệ	Nguyên	04/3/1989	VCN327	Trường mầm non Đức Hoà, UBND huyện Mộ Đức	51	26	62	
229	Trần Thị Ánh	Nguyệt	13/6/1979	VCN328	Trung tâm Truyền thông - Văn hoá - Thể thao thị xã, UBND thị xã Đức Phổ	30	20	55	
230	Trương Võ Hoài Minh	Nguyệt	01/02/1984	VCN329	Trường Mầm non Đức Chánh, UBND huyện Mộ Đức	33	23	51	
231	Võ Thị Ánh	Nguyệt	20/4/1988	VCN331	Trường Mầm non Nghĩa Thọ, UBND huyện Tư Nghĩa	37	26	58	
232	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	13/02/1985	VCN332	Hội Nhà báo	44	24	58	
233	Bùi Thị Tuyết	Nhung	20/02/1988	VCN335	Trường THCS Nguyễn Bá Loan, UBND huyện Mộ Đức	36	18	56	
234	Lê Minh	Phong	09/9/1986	VCN337	Trường THPT Trần Quang Diệu, Sở Giáo dục và Đào tạo	39	22	64	
235	Nguyễn Thị	Phụng	27/11/1979	VCN340	Trường THCS Võ Bẩm, UBND thành phố Quảng Ngãi	33	23	57	
236	Lâm Hữu	Phước	1986	VCN342	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao, UBND huyện Trà Bồng	38	20	66	
237	Trần Thị Hoài	Phương	28/10/1981	VCN343	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	31	24	65	
238	Văn Phan Ngọc	Phương	03/5/1981	VCN344	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	31	21	57	
239	Nguyễn Thị	Phương	04/4/1987	VCN346	Trường TH&THCS Sơn Trung, UBND huyện Sơn Hà	33	17	62	
240	Nguyễn Thị Diễm	Phương	24/6/1981	VCN347	Trường THCS Sơn Linh, UBND huyện Sơn Hà	31	24	63	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
241	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	02/10/1984	VCN348	Trường TH Tịnh An, UBND thành phố Quảng Ngãi	35	27	56	
242	Lê Thị Cẩm	Phượng	25/3/1985	VCN350	Trường Tiểu học Bình Dương, UBND huyện Bình Sơn	32	18	61	
243	Trương Thị	Phượng	10/6/1985	VCN351	Trường Tiểu học số 3 Phố Thạnh, UBND thị xã Đức Phổ	32	17	52	
244	Dương Thị Kim	Phượng	02/02/1989	VCN352	Trường THCS Long Mai, UBND huyện Minh Long	36	23	54	
245	Bùi Diệu	Quang	25/01/1986	VCN356	Trường Tiểu Học Ba Tô, UBND huyện Ba Tô	40	Miễn thi	70	
246	Nguyễn Thị	Quyên	13/04/1993	VCN357	Trường Mầm non Ba Nam, UBND huyện Ba Tô	38	26	66	
247	Huỳnh Thị Việt	Quỳnh	03/10/1986	VCN359	Trường Tiểu học Ba Cung, UBND huyện Ba Tô	36	Miễn thi	65	
248	Võ Thị Thu	Sang	1991	VCN360	Trường THCS Tịnh Sơn, UBND huyện Sơn Tịnh	36	20	76	
249	Võ Thị	Sang	31/10/1985	VCN361	Trường Trung học cơ sở Nghĩa Thuận, UBND huyện Tư Nghĩa	32	24	70	
250	Phạm Thị Thu	Sương	23/9/1985	VCN362	Trường THPT Nguyễn Công Phương, Sở Giáo dục và Đào tạo	32	26	57	
251	Nguyễn Thị Thúy	Sương	1985	VCN364	Trường TH Tịnh Minh, UBND huyện Sơn Tịnh	32	22	56	
252	Huỳnh Thị	Tâm	02/10/1986	VCN366	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	43	22	75	
253	Nguyễn Thị Khánh	Tâm	02/01/1981	VCN368	Trường Tiểu học La Hà Nghĩa Thương, UBND huyện Tư Nghĩa	42	25	65	
254	Đặng Thị Mỹ	Tiên	1981	VCN370	Trường THCS Tịnh Thọ, UBND huyện Sơn Tịnh	30	24	61	
255	Võ Thanh	Tiếp	20/6/1980	VCN371	Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng, UBND huyện Mộ Đức	32	25	61	
256	Võ Hồng	Tin	15/4/1981	VCN372	Trường THCS Quảng Phú, UBND thành phố Quảng Ngãi	36	23	71	
257	Bùi Hữu	Tín	01/8/1982	VCN373	Trường TH&THCS xã Bình Tân Phú, UBND huyện Bình Sơn	35	18	58	
258	Lê Ngọc	Toàn	06/4/1986	VCN374	Trường Phổ thông DTNT THCS Ba Tô, UBND huyện Ba Tô	43	Miễn thi	80	
259	Lê Thị Thanh	Tuyền	01/01/1982	VCN376	Trường Mầm non Hành Phước, UBND huyện Nghĩa Hành	30	21	66	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
260	Lê Thị Xuân	Tươi	01/3/1985	VCN378	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	30	22	58	
261	Nguyễn Hà	Thạch	06/3/1989	VCN379	Trường TH&THCS Ba Bích, UBND huyện Ba Tơ	35	Miễn thi	55	
262	Phạm Thị	Thanh	14/01/1985	VCN380	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	33	19	52	
263	Nguyễn Thị Bình	Thanh	19/3/1989	VCN381	Trường Tiểu học thị trấn Di Lăng số 1, UBND huyện Sơn Hà	36	20	61	
264	Huỳnh Kim	Thành	13/11/1985	VCN382	Trung tâm TT-VH-TT huyện Sơn Hà, UBND huyện Sơn Hà	35	25	53	
265	Lê Thị Tường	Thành	1983	VCN383	Trường Mầm non Trà Thủy, UBND huyện Trà Bồng	31	25	56	
266	Lý Thị Thiện	Thảo	04/01/1987	VCN386	Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập, Sở Giáo dục và Đào tạo	57	22	73	
267	Trương Dương	Thảo	16/6/1985	VCN387	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình DD&CN	39	22	63	
268	Đoàn Thị	Thảo	31705	VCN389	Trường Mầm non Phố Thuận, UBND thị xã Đức Phổ	35	23	56	
269	Nguyễn Thị Phương	Thảo	24/5/1981	VCN390	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất, UBND thị xã Đức Phổ	40	24	56	
270	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	01/3/1985	VCN391	Trường MN Long Mai, UBND huyện Minh Long	35	23	51	
271	Huỳnh Thị Kim	Thảo	19/3/1983	VCN392	Trường Mầm non Đức Hiệp, UBND huyện Mộ Đức	37	27	53	
272	Tạ Thị Thanh	Thảo	20/02/1985	VCN393	Trường TH Nghĩa Lộ, UBND thành phố Quảng Ngãi	30	21	53	
273	Nguyễn	Thắng	25/8/1976	VCN397	Trường Tiểu học Nghĩa Thọ, UBND huyện Tư Nghĩa	32	25	62	
274	Nguyễn Thị	Thế	02/6/1982	VCN398	Trung tâm Y tế huyện Mộ Đức, Sở Y tế	44	23	51	
275	Trần Thị Bích	Thêm	24/4/1988	VCN399	Trường Mầm non Hành Thịnh, UBND huyện Nghĩa Hành	31	25	53	
276	Phạm Thị Thanh	Thị	20/3/1989	VCN400	Trường Tiểu học Thạch Trụ, UBND huyện Mộ Đức	33	23	60	
277	Huỳnh Thị Ngọc	Thị	1986	VCN402	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Hiệp, UBND huyện Trà Bồng	30	25	56	
278	Huỳnh Thị Thu	Thiên	23/9/1984	VCN403	Trung tâm Y tế huyện Ba Tơ, Sở Y tế	30	Miễn thi	56	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
279	Huỳnh Quốc	Thiên	24/8/1984	VCN404	Trường TH&THCS Ba Bích, UBND huyện Ba Tơ	38	Miễn thi	65	
280	Bùi Thị	Thu	25/02/1984	VCN408	Trung tâm DVNN huyện Lý Sơn, UBND huyện Lý Sơn	31	26	59	
281	Nguyễn Thị Kim	Thu	10/4/1984	VCN409	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng , UBND huyện Nghĩa Hành	30	20	57	
282	Nguyễn Thị Hòa	Thuận	26/9/1987	VCN410	Trường TH số 1 Trương Quang Trọng, UBND thành phố Quảng Ngãi	52	21	83	
283	Phạm Thị	Thùy	20/8/1983	VCN413	Trường Tiểu học Hành Thiện , UBND huyện Nghĩa Hành	38	25	59	
284	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	04/9/1982	VCN414	Trường THPT Lương Thế Vinh, Sở Giáo dục và Đào tạo	49	19	63	
285	Phạm Thị Lệ	Thùy	05/8/1980	VCN415	Bệnh viện Kế toán Sản-Nhi tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	43	26	54	
286	Dương Thị Thu	Thùy	07/5/1978	VCN416	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	33	26	70	
287	Huỳnh Thị Thu	Thùy	24/11/1984	VCN417	Trung tâm Y tế huyện Ba Tơ, Sở Y tế	30	Miễn thi	66	
288	Nguyễn Thị Sơn	Thùy	08/3/1983	VCN420	Ban Quản lý Cảng Lý Sơn, UBND huyện Lý Sơn	47	25	53	
289	Đặng Thị Thu	Thùy	27/01/1985	VCN423	Trường TH Nghĩa Hà, UBND thành phố Quảng Ngãi	40	20	51	
290	Đồng Thị Thanh	Thúy	05/7/1992	VCN425	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	38	22	68	
291	Lê Thị Thanh	Thúy	08/02/1982	VCN426	Trung tâm Y tế thành phố Quảng Ngãi, Sở Y tế	33	22	52	
292	Lê Thị	Thúy	07/9/1981	VCN427	Trường THCS Bình Long, UBND huyện Bình Sơn	35	22	57	
293	Lê Thị Thanh	Thúy	10/4/1987	VCN428	Trường Tiểu học Phổ Ninh, UBND thị xã Đức Phổ	35	23	56	
294	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	30/12/1991	VCN429	Trường Tiểu học Long Hiệp, UBND huyện Minh Long	45	24	53	
295	Bùi Thị Lệ	Thúy	16/8/1988	VCN430	Trường Mẫu giáo Sơn Kỳ, UBND huyện Sơn Hà	46	19	56	
296	Lê Thị Thanh	Thụy	20/01/1984	VCN433	Trung tâm TT-VH-TT , UBND huyện Mộ Đức	38	22	70	
297	Nguyễn Thị Minh	Thư	10/12/1984	VCN434	Trường Mầm non Sơn Thành, UBND huyện Sơn Hà	35	19	69	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
298	Bùi Thị Lệ	Thừa	12/02/1977	VCN438	Trường THPT Trà Bồng, Sở Giáo dục và Đào tạo	33	21	62	
299	Phan Tấn	Thương	1985	VCN441	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Lâm, UBND huyện Trà Bồng	31	20	59	
300	Lê Thị Thanh	Trà	09/8/1990	VCN442	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	30	15	60	
301	Võ Thị Huyền	Trang	28/12/1985	VCN443	Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Quảng Ngãi, Sở Tài nguyên và Môi trường	31	17	54	
302	Lê Thị Thu	Trang	02/3/1985	VCN444	Trường Tiểu học số 1 Bình Minh, UBND huyện Bình Sơn	35	20	51	
303	Đinh Thị Thùy	Trang	1989	VCN449	Trường Mẫu giáo Trà Sơn, UBND huyện Trà Bồng	30	15	55	
304	Nguyễn Hoàng	Triếp	07/7/1987	VCN451	Trung tâm Y tế huyện Ba Tơ, Sở Y tế	35	Miễn thi	59	
305	Nguyễn Thị	Triều	30000	VCN453	Trường THCS Sơn Hạ, UBND huyện Sơn Hà	40	20	57	
306	Nguyễn Thị	Vạn	12/8/1988	VCN455	Trường THCS Trương Quang Trọng, UBND thành phố Quảng Ngãi	44	20	60	
307	Đặng Thị	Vàng	20/5/1982	VCN456	Trường Trung học cơ sở Nghĩa Lâm, UBND huyện Tư Nghĩa	35	15	61	
308	Ngô Thùy	Vân	07/10/1985	VCN457	Trường Mầm non Bình Trung, UBND huyện Bình Sơn	42	18	65	
309	Vy Thị Hồng	Vân	16/02/1981	VCN459	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, Sở Y tế	34	18	52	
310	Nguyễn Đoàn Cẩm	Vân	29/10/1983	VCN460	Liên minh Hợp tác xã	32	Miễn thi	59	
311	Lê Thị Kiều	Vân	17/6/1983	VCN461	Trường Mầm non Đức Phong, UBND huyện Mộ Đức	38	19	54	
312	Huỳnh Thị Tường	Vân	24/9/1983	VCN463	Trường Mầm non Nghĩa Sơn, UBND huyện Tư Nghĩa	31	17	68	
313	Trương Thị Mỹ	Vi	08/11/1990	VCN464	Trường Mầm non Thị trấn Mộ Đức, UBND huyện Mộ Đức	34	18	63	
314	Nguyễn Thị Tường	Vi	06/9/1981	VCN466	Trường Trung học cơ sở Nghĩa Trung, UBND huyện Tư Nghĩa	36	17	63	
315	Lê Thị Hồng	Vĩ	1986	VCN468	Trường TH Tịnh Hà, UBND huyện Sơn Tịnh	46	23	57	
316	Bùi Thị	Viễn	10/01/1985	VCN472	Trung tâm Truyền thông-Văn hóa-Thể thao, UBND huyện Tư Nghĩa	36	21	66	

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Số báo danh	Đơn vị đang công tác	Số câu trả lời đúng		Điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên				KTC	Ngoại ngữ		
317	Bùi Thanh	Vinh	1978	VCN474	Trường TH Tịnh Bình, UBND huyện Sơn Tịnh	32	17	63	
318	Nguyễn Đình	Vũ	18/02/1988	VCN476	Trung tâm TT-VH-TT, UBND huyện Minh Long	39	23	68	
319	Nguyễn Thị	Vũ	20/10/1990	VCN477	Trường Tiểu học Nghĩa Sơn, UBND huyện Tư Nghĩa	33	20	67	
320	Lê Thị Tường	Vy	04/01/1986	VCN478	Trường Mầm non Hành Thiện, UBND huyện Nghĩa Hành	34	17	55	
321	Lê Thị	Xin	20/05/1984	VCN479	Trường Tiểu học số II An Vĩnh, UBND huyện Lý Sơn	41	21	55	
322	Nguyễn Thị	Yên	1985	VCN481	Trường PTDTBT TH số 02 Hương Trà, UBND huyện Trà Bồng	37	22	62	
323	Mai Thị	Yến	02/02/1989	VCN483	Trường Mẫu giáo Bình Châu, UBND huyện Bình Sơn	33	18	64	
324	Đoàn Thị Hải	Yến	15/8/1989	VCN485	Trường Tiểu học Thanh An, UBND huyện Minh Long	45	Miễn thi	71	
325	Nguyễn Thị Phi	Yến	27/8/1991	VCN487	Trường Tiểu học Đức Phú, UBND huyện Mộ Đức	32	18	56	

Danh này có 325 người./.